



BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4527/CT-PC**

Hà Nội, ngày **03 tháng 7 năm 2026**

V/v tuyên truyền về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định tại phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.

Kính gửi:

- Các Thuế tỉnh, thành phố;
- Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn;
- Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

Thực hiện Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ, giảm thiểu chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Việc triển khai Mục D – Lĩnh vực thuế theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP là nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính, góp phần xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Để triển khai đồng bộ, hiệu quả, Cục Thuế đề nghị Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử và Thuế các tỉnh, thành phố triển khai một số nội dung sau:

1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng và chỉ đạo các Thuế cơ sở triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và các quy định liên quan về thuế, phí đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành (*Tài liệu tuyên truyền kèm theo*).
2. Chủ động lựa chọn, triển khai các hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, ưu tiên các kênh điện tử, truyền thông đại chúng và các hình thức tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở để nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người nộp thuế.
3. Tăng cường công tác hướng dẫn, kịp thời giải đáp và tháo gỡ các vướng mắc phát sinh của người nộp thuế; tập trung phổ biến, làm rõ các quy định về đối tượng áp dụng, hồ sơ và thủ tục hành chính liên quan nhằm hỗ trợ tối đa cho người nộp thuế thực hiện đúng quy định.

Cục Thuế thông báo để Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử và Thuế các tỉnh, thành phố biết và thực hiện./. *Qm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Đ/c PCT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Các Ban, đơn vị (để phối hợp);
- Văn phòng (để truyền thông);
- Lưu: VT, Ban PC. *Qm*

18

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN BAN PHÁP CHẾ**



Nguyễn Thị Lan Anh

5306

5306

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính theo quy định tại phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn số ~~4527~~ /CT-PC ngày 03/7/2026 của Cục Thuế)

Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP là nghị quyết của Chính phủ ban hành ngày 07/4/2026 về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ, giảm thiểu chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Việc triển khai Mục D – Lĩnh vực thuế theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP là nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính, góp phần xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

1. Đối với nội dung tại Mục I và II về thủ tục và hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động).

Căn cứ quy định tại điểm I, II Mục D – Lĩnh vực thuế, Phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thì kể từ ngày 15/4/2026, người nộp thuế sẽ chuyển từ kê khai theo Tháng sang kê khai theo Quý khi kê khai các tờ khai Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công (tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN, 05/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC).

Ngày 19/5/2026, Cục Thuế đã thực hiện nâng cấp các ứng dụng thuế điện tử để chặn không tiếp nhận đối với các tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN, 05/KK-TNCN kê khai theo tháng có kỳ tính thuế từ tháng 4/2026 trở đi.

Thực hiện quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, Cục Thuế đã ban hành Công văn hướng dẫn toàn ngành kê khai tờ khai thuế TNCN số 4021/CT-NVT ngày 16/6/2026 về việc kê khai thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

2. Đối với nội dung tại Mục III về thời hạn giải quyết thủ tục khai thuế thu nhập cá nhân từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản).

Trước đây, tại điểm a1 khoản 4 Điều 13 Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định: Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với khai lần đầu, khai khi có phát sinh thay đổi các yếu tố làm thay đổi căn cứ tính thuế, khai bổ sung.

Thực hiện Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thời hạn giải quyết hồ sơ khai thuế TNCN từ nhận

thừa kế, quà tặng (trừ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) đã cắt giảm để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cụ thể: Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với khai lần đầu, khai khi có phát sinh thay đổi các yếu tố làm thay đổi căn cứ tính thuế, khai bổ sung. Trường hợp thay đổi người nộp thuế nhưng người nộp thuế trước đó đã hoàn thành nghĩa vụ thuế năm thì cơ quan thuế không ban hành thông báo nộp thuế.

3. Đối với nội dung tại Mục IV về Hồ sơ Khai thuế tài nguyên/khai quyết toán thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên.

Tờ khai và phụ lục bằng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo Mẫu số 01-1/TAIN, Mẫu số 01/TAIN và Mẫu số 02/TAIN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, mẫu tờ khai thuế tài nguyên mới đã được tích hợp, theo đó gộp Tờ khai thuế tài nguyên theo Mẫu số 01/TAIN và Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên theo Mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành một tờ khai thống nhất.

So với trước đây, khi người nộp thuế phải thực hiện kê khai trên hai biểu mẫu riêng biệt, quy định mới đã góp phần giảm số lượng biểu mẫu phải lập, nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong quá trình kê khai, quyết toán thuế tài nguyên.

4. Đối với nội dung tại Mục V về Hồ sơ khai phí, lệ phí khác, quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Thực hiện hợp nhất thủ tục “Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước” (mã số 1.008319) và thủ tục “Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước” (mã số 1.008325) thành một thủ tục mới là “Khai/ Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước” (mã số 1.008325), đã được công bố tại Quyết định số 1109/QĐ-BTC ngày 08/5/2026 của Bộ Tài chính.

Theo đó, hai mẫu Tờ khai phí mẫu số 01/PH và Tờ khai quyết toán phí mẫu số 02/PH ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC được hợp nhất thành một mẫu tờ khai duy nhất là mẫu số 01/PH, do các chỉ tiêu thông tin trên hai biểu mẫu có nội dung tương đồng. NNT thực hiện khai phí và khai quyết toán phí trên cùng một tờ khai mẫu số 01/PH.

Sau khi đơn giản hóa, thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ khai phí theo mẫu số 01/PH;

- Tờ khai lệ phí theo mẫu số 01/LP tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

5. Đối với nội dung tại Mục VI về Hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường, khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Thực hiện hợp nhất thủ tục hành chính “Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản” (mã số 1.008317) và thủ tục hành chính “Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản” (mã số 1.008321) thành một thủ tục hành chính là “Khai phí/ Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản” (mã số 1.008317), được công bố tại Quyết định số 1109/QĐ-BTC ngày 08/5/2026 của Bộ Tài chính.

Theo đó, đã gộp hai mẫu tờ khai là Tờ khai phí bảo vệ môi trường áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản mẫu số 01/PBVMT và Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản mẫu số 02/PBVMT (ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC) thành một mẫu duy nhất là Tờ khai phí bảo vệ môi trường áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản mẫu số 01/PBVMT. Người nộp thuế thực hiện khai phí và khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên cùng một tờ khai.

Sau khi đơn giản hóa, thành phần hồ sơ gồm: Tờ khai phí bảo vệ môi trường áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản mẫu số 01/PBVMT.

6. Đối với nội dung tại Mục VII về việc bãi bỏ các TTHC liên quan đến hóa đơn đặt in của cơ quan thuế và biên lai đặt in, tự in.

Hiện nay, ngành Thuế đã triển khai thành công hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc, với tỷ lệ sử dụng hóa đơn điện tử đạt gần 100% đối với các đối tượng thuộc diện áp dụng. Trong bối cảnh đó, các thủ tục hành chính liên quan đến hóa đơn đặt in của cơ quan thuế và biên lai đặt in, tự in hầu như không còn phát sinh hoặc phát sinh rất ít trên thực tế. Do đó, việc bãi bỏ các TTHC nêu trên góp phần tinh gọn hệ thống TTHC thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, giảm khối lượng công việc hành chính cho cơ quan thuế, đồng thời đảm bảo phù hợp với phương thức quản lý thuế điện tử hiện nay.

Việc tiếp tục rà soát, cắt giảm các TTHC không còn phù hợp, thể hiện quyết tâm của ngành Thuế trong việc xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch, lấy NNT làm trung tâm phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế.

7. Đối với nội dung tại Mục VIII về việc cắt giảm TTHC trong hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Liên quan đến việc cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC) trong hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Ngày 07/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.16/NQ-CP về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính,

đảm bảo phù hợp

quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và ngày 08/5/2026, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1109/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, theo đó bãi bỏ TTHC số 1.010239 (Đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế/Thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế/Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế).

Việc bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên giúp đơn giản hóa hoạt động của đại lý thuế. Theo đó, đại lý thuế không phải thực hiện thủ tục đăng ký cấp hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; chỉ cần đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư 10/2021/TT-BTC để kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Đồng thời, đại lý thuế cũng không phải thông báo cho cơ quan thuế khi có thay đổi về nhân viên đại lý thuế, bao gồm trường hợp tuyển mới hoặc nhân viên nghỉ việc. Ngoài ra, thủ tục báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế hàng năm đã được bãi bỏ, nên từ năm 2026 đại lý thuế không còn phải nộp báo cáo này cho cơ quan thuế.

Bản chất của việc cắt giảm TTHC này là chuyển từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ, thủ tục hành chính sang tăng cường trách nhiệm tự tuân thủ của đại lý thuế theo các điều kiện pháp luật quy định. Nhờ đó, đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế không còn phải thực hiện nhiều thủ tục, hồ sơ và báo cáo, qua đó tiết kiệm thời gian, chi phí và nguồn lực trong quá trình hoạt động. Đồng thời, việc đơn giản hóa thủ tục giúp các đại lý thuế chủ động hơn trong quản lý nhân sự, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch và góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ thống đại lý thuế chuyên nghiệp, hiện đại.

8. Đối với nội dung tại Mục IX về Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu của cá nhân hoặc người phụ thuộc.

Trước đây, hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với người phụ thuộc chưa tích hợp Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng và các giấy tờ chứng minh người phụ thuộc theo quy định của pháp luật thuế TNCN. Do đó, sau khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế cho người phụ thuộc, NNT vẫn phải thực hiện thêm thủ tục kê khai Mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng) ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC và nộp các giấy tờ chứng minh người phụ thuộc theo quy định của pháp luật thuế TNCN, trong đó bao gồm cả bản chụp Giấy khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của người phụ thuộc. Việc thực hiện nhiều thủ tục riêng biệt làm tăng số lượng hồ sơ, thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, chưa khai thác hiệu quả dữ liệu đã được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tại Điểm IX, Mục D – Lĩnh vực thuế, Phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ, Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với người phụ thuộc được tích hợp Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng và các giấy tờ chứng minh người phụ thuộc theo quy định của pháp luật thuế TNCN trong cùng một thủ tục hành chính. Đồng thời, cắt giảm giấy tờ chứng minh người phụ thuộc là bản chụp Giấy khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của người phụ thuộc do cơ quan thuế khai thác thông tin thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Lợi ích mang lại: Việc đơn giản hóa hồ sơ khai thuế là một trong những giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng dữ liệu số trong quản lý nhà nước, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Đối với NNT: Giảm số lượng thủ tục hành chính phải thực hiện, giảm thành phần hồ sơ phải nộp, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện TTHC.
- Đối với cơ quan thuế: Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, giảm

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân do cơ quan thuế khai thác

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số trong quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số

lượng hồ sơ khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân, ứng dụng dữ liệu số